

Bản án số: 241/2020/DS-ST

Ngày: 24/9/2020

Vv: “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*”

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 7- THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đào Lê Anh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Hòa Bình

2. Ông Ngô Hữu Quang

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Xuân Duyên - Thư ký Tòa án nhân dân Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh:
Bà Nguyễn Thị Hương – Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 09 năm 2020 tại phòng xử án Tòa án nhân dân Quận 7 mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 112/2020/DSST ngày 07 tháng 05 năm 2020 về “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 184/2020/QĐXXST-DS ngày 14/08/2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 92/2020/QĐHPT-DS ngày 03/09/2020 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại Cổ phần C;

Địa chỉ trụ sở: Số 442 đường K, Phường N, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Bà Lê Thị H, sinh năm: 1983;

Địa chỉ: Lầu 8, Tòa nhà A, số 444A-446 đường T, Phường M, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

(Giấy ủy quyền số: 204/UQ-QLN.20 ngày 09/3/2020) – Có mặt

Bị đơn: Ông Vương Quốc A, sinh năm 1975;

Địa chỉ: Số 166/3 đường P, Tổ H, Khu phố H, phường T, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh – Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện; Các bản tự khai; Biên bản không tiến hành hòa giải được cùng các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ và tại phiên tòa thì nội dung vụ án được xác định như sau:

Nguyên đơn Ngân hàng Thương mại Cổ phần C (Sau đây gọi tắt là Ngân hàng TMCP C) có bà Lê Thị H là đại diện hợp pháp trình bày:

Ngày 23/09/2015, Ngân hàng TMCP C cấp tín dụng cho ông Vương Quốc A theo Hợp đồng tín dụng trả góp số: SGN.CN.749.220915 (Số tài khoản vay: 204110449), chi tiết như sau:

- Số tiền vay: 100.000.000 (Một trăm triệu) đồng.
- Thời hạn vay: 60 tháng, kể từ ngày Bên được cấp tín dụng nhận tiền vay (từ ngày 23/09/2015 đến ngày 23/09/2020)
- Mục đích: UIL – Tiêu dùng tín chấp – Hỗ trợ tiêu dùng – Tiêu dùng
- Phương thức cho vay: cho vay từng lần
- Lãi suất trong hạn: 10%/năm (Tính theo số tiền vay ban đầu)
- Lãi suất quá hạn: 150% lãi suất trong hạn.

Trong quá trình vay vốn, ông Vương Quốc A đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên ngày 18/02/2019, Ngân hàng TMCP C đã ra Thông báo thu hồi nợ trước hạn đối với toàn bộ nợ vay còn lại chưa thanh toán của Hợp đồng tín dụng trả góp nêu trên.

Tính đến ngày 24/09/2020, ông Vương Quốc A còn nợ Ngân hàng TMCP C số tiền tổng cộng là: 70.096.544 (Bảy mươi triệu không trăm chín mươi sáu nghìn năm trăm bốn mươi bốn) đồng, cụ thể như sau: Số tiền gốc là: 46.266.657 (Bốn mươi sáu triệu hai trăm sáu mươi sáu ngàn sáu trăm năm mươi bảy) đồng; Số tiền lãi trong hạn là: 10.750.000 (Mười triệu bảy trăm năm mươi ngàn) đồng; Số tiền lãi quá hạn là: 10.679.887 (Mười triệu sáu trăm bảy mươi chín nghìn tám trăm tám mươi bảy) đồng; Số tiền phạt chậm trả là: 2.400.000 (Hai triệu bốn trăm ngàn) đồng.

Do ông Vương Quốc A đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán đối với hợp đồng tín dụng trả góp đã ký nên Ngân hàng TMCP C khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân Quận 7 xét xử buộc ông Vương Quốc A phải thanh toán cho Ngân hàng TMCP C tổng số tiền là 70.096.544 (Bảy mươi triệu không trăm chín mươi sáu nghìn năm trăm bốn mươi bốn) đồng, bao gồm: Số tiền gốc là: 46.266.657 (Bốn mươi sáu triệu hai trăm sáu mươi sáu ngàn sáu trăm năm mươi bảy) đồng; Số tiền lãi trong hạn là: 10.750.000 (Mười triệu bảy trăm năm mươi ngàn) đồng; Số tiền lãi quá hạn là: 10.679.887 (Mười triệu sáu trăm bảy mươi chín nghìn tám trăm tám mươi bảy) đồng; Số tiền phạt chậm trả là: 2.400.000 (Hai triệu bốn trăm ngàn) đồng. Trả 01 lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Ngoài ra, ông Vương Quốc A còn phải tiếp tục trả tiền lãi phát sinh theo mức lãi suất nợ quá hạn do các bên thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng trả góp số: SGN.CN.749.220915 (Số tài khoản vay: 204110449), kể từ ngày 25/9/2020 cho đến ngày trả dứt nợ gốc.

Theo đơn khởi kiện ngày 18 tháng 02 năm 2020, nguyên đơn Ngân hàng TMCP C yêu cầu bà Nguyễn Thị Cẩm G liên đới cùng với ông Vương Quốc A thanh toán khoản nợ nêu trên. Ngày 13/8/2020 nguyên đơn Ngân hàng TMCP C có đơn rút yêu cầu đối với bà Nguyễn Thị Cẩm G cùng liên đới trả nợ với ông Vương Quốc A, chỉ yêu cầu một mình ông Vương Quốc A có nghĩa vụ thanh toán khoản nợ nêu trên.

Tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn Ngân hàng TMCP C xác định vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và xác định không yêu cầu bà Nguyễn Thị Cẩm G liên đới thực hiện nghĩa vụ trả nợ theo Giấy cam kết về việc trả nợ ngày 23/09/2015.

Bị đơn ông Vương Quốc A vắng mặt trong toàn bộ quá trình Tòa án giải quyết vụ án. Tòa án đã tổng đạt, niêm yết các văn bản tố tụng: Thông báo thụ lý vụ án, Giấy triệu tập và Thông báo kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa theo quy định pháp luật nhưng bị đơn không đến, không có văn bản trình bày ý kiến.

Ý kiến của Viện kiểm sát Nhân dân Quận 7:

1. Việc tuân theo pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử:

Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định về thẩm quyền thụ lý quy định tại các điều từ Điều 26 đến Điều 40 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Việc xác định tư cách tham gia tố tụng đúng quy định tại Điều 68 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Việc xác minh, thu thập chứng cứ, giao nhận chứng cứ đúng quy định tại các điều từ 93 đến 97 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Trình tự thụ lý, việc giao nhận thông báo thụ lý cho Viện kiểm sát và cho đương sự đúng quy định tại Điều 195, 196 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Vụ án được giải quyết đúng thời hạn quy định tại Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký tại phiên tòa: Hội đồng xét xử, thư ký đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

2. Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án:

Nguyên đơn, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ tố tụng theo quy định tại các Điều 70, Điều 71, Điều 86 và Điều 234 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Bị đơn mặc dù đã được Tòa án cấp, tổng đạt, thông báo các văn bản tố tụng hợp lệ nhưng trong suốt quá trình Tòa án thụ lý giải quyết vụ án cho đến phiên tòa hôm nay bị đơn vẫn vắng mặt không lý do. Như vậy, bị đơn không thực hiện đúng quy định tại Điều 70, Điều 72 Bộ luật tố tụng năm 2015.

3. Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Nguyên đơn Ngân hàng TMCP C khởi kiện bị đơn ông Vương Quốc A phải thanh toán số tiền nợ gốc và lãi theo Hợp đồng tín dụng trả góp số: SGN.CN.749.220915 (Số tài khoản vay: 204110449) ngày 23/09/2015. Vì vậy đây là “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

Bị đơn ông Vương Quốc A cư trú tại địa chỉ: Số 166/3 đường P, Tổ H, Khu phố H, phường T, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh nên theo quy định tại Khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 thì yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh.

[2] Về hình thức

[2.1] Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án cho bị đơn ông Vương Quốc A. Tuy nhiên, bị đơn ông Vương Quốc A vắng mặt không lý do. Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt ông Vương Quốc A theo quy định tại các Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2.2] Theo đơn khởi kiện ngày 18 tháng 02 năm 2020, nguyên đơn Ngân hàng TMCP C yêu cầu bà Nguyễn Thị Cẩm G liên đới cùng với ông Vương Quốc A thanh toán khoản nợ nêu trên.

[2.3] Căn cứ vào Phiếu yêu cầu xác minh số: 148/2020/TAQ7 ngày 12/5/2020 của Tòa án nhân dân Quận 7, kết quả xác minh của Công an phường T, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh: “Đương sự Nguyễn Thị Cẩm G, sinh năm 1979 đã chết và xóa khẩu tại địa chỉ 166/3 đường P, khu phố H, phường T, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh”.

[2.4] Ngày 13/8/2020 nguyên đơn Ngân hàng TMCP C có đơn rút yêu cầu đối với bà Nguyễn Thị Cẩm G cùng liên đới trả nợ với ông Vương Quốc A, chỉ yêu cầu một mình ông Vương Quốc A có nghĩa vụ thanh toán khoản nợ nêu trên.

Từ sự phân tích ở các mục từ **[2.2]** đến **[2.4]** đã có đủ cơ sở xác định bà Nguyễn Thị Cẩm G hiện nay đã chết, nguyên đơn Ngân hàng TMCP C không

có yêu cầu gì đối với bà Nguyễn Thị Cẩm G. Do đó Tòa án nhân dân Quận 7 không đưa bà Nguyễn Thị Cẩm G vào tham gia tố tụng trong vụ án là phù hợp với các quy định của pháp luật.

[3] Về các yêu cầu của đương sự:

[3.1] Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng TMCP C đối với bị đơn ông Vương Quốc A căn cứ vào đơn khởi kiện và các tài liệu chứng cứ đã được thẩm tra tại phiên tòa:

Xét, căn cứ hợp đồng tín dụng trả góp số: SGN.CN.749.220915 (Số tài khoản vay: 204110449) ngày 23/09/2015 có đủ căn cứ xác định Ngân hàng TMCP C và ông Vương Quốc A đã ký hợp đồng vay tài sản, cụ thể: Số tiền vay là: 100.000.000 (Một trăm triệu) đồng, Thời hạn vay: 60 tháng, kể từ ngày Bên được cấp tín dụng nhận tiền vay (từ ngày 23/09/2015 đến ngày 23/09/2020); Lãi suất trong hạn: 10%/năm (Tính theo số tiền vay ban đầu). Lãi suất quá hạn: 150% lãi suất trong hạn; Mục đích: UIL – Tiêu dùng tín chấp – Hỗ trợ tiêu dùng – Tiêu dùng. Phương thức cho vay: cho vay từng lần.

Căn cứ vào Phiếu giải ngân ngày 23/09/2015, xác định bị đơn ông Vương Quốc A đã được nguyên đơn Ngân hàng TMCP C giải ngân và ông An đã nhận đủ số tiền 100.000.000 (Một trăm triệu) đồng.

Tính đến ngày xét xử sơ thẩm ngày 24/09/2020 ông Vương Quốc A còn nợ Ngân hàng TMCP C tổng cộng số tiền là: 70.096.544 (Bảy mươi triệu không trăm chín mươi sáu nghìn năm trăm bốn mươi bốn) đồng, trong đó: Số tiền gốc là: 46.266.657 (Bốn mươi sáu triệu hai trăm sáu mươi sáu ngàn sáu trăm năm mươi bảy) đồng; Số tiền lãi trong hạn là: 10.750.000 (Mười triệu bảy trăm năm mươi ngàn) đồng; Số tiền lãi quá hạn là: 10.679.887 (Mười triệu sáu trăm bảy mươi chín nghìn tám trăm tám mươi bảy) đồng; Số tiền phạt chậm trả là: 2.400.000 (Hai triệu bốn trăm ngàn) đồng.

Xét, theo quy định của pháp luật:

+ Căn cứ khoản 1 Điều 466 Bộ luật dân sự 2015 quy định về nghĩa vụ trả nợ của bên vay *“Bên vay tài sản là tiền thì phải trả đủ tiền khi đến hạn”*.

+ Căn cứ Khoản 2 Điều 91 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010 quy định: *“Tổ chức tín dụng và khách hàng có quyền thỏa thuận về lãi suất, phí cấp tín dụng trong hoạt động ngân hàng của tổ chức tín dụng theo quy định của pháp luật”*.

+ Căn cứ Điều 2: Lãi suất – Phí, phạt vi phạm của hợp đồng tín dụng trả góp số: SGN.CN.749.220915 (Số tài khoản vay: 204110449) ngày 23/09/2015 quy định:

“2.1. Lãi suất:

2.2.1. Lãi suất trong hạn: 10/00%/năm (tính theo số tiền vay ban đầu).

Nếu số ngày vay thực tế nhỏ hơn 30 ngày thì áp dụng lãi suất cho vay ngày với mức lãi suất là 17.40%/năm.

Khi đến kỳ điều chỉnh lãi suất theo quy định của ngân hàng TMCP C, trường hợp lãi suất trong hạn sau khi đã điều chỉnh thấp hơn lãi suất tối thiểu do ngân hàng TMCP C quy định trong từng thời kỳ thì lãi suất trong hạn được áp dụng là lãi suất tối thiểu tại thời điểm điều chỉnh.

2.2.2. *Lãi suất quá hạn: 150% lãi suất trong hạn.*

...

2.3. *Phí, phạt vi phạm::*

2.3.1. *Số tiền phạt của một kỳ trễ hạn: 200.000 đồng/kỳ trễ hạn.*

2.3.2. *Phí trả nợ trước hạn = Số tiền trả nợ trước hạn x Mức phí*

Trong đó:

- *Mức phí: 5,0%*

- *Mức phí trả nợ trước hạn tối thiểu: 200.000 đồng.”*

Xét, trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án cho bị đơn là ông Vương Quốc A. Tuy nhiên ông Vương Quốc A không đến tòa trình bày ý kiến, không cung cấp tài liệu chứng cứ cho tòa nên căn cứ theo quy định tại khoản 4 Điều 91 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, bị đơn ông Vương Quốc A đã tự từ bỏ quyền được chứng minh của mình, nên phải chịu hậu quả theo quy định của pháp luật. Hội đồng xét xử xem xét các tài liệu chứng cứ, lời khai của nguyên đơn để làm cơ sở cho việc giải quyết vụ án.

Do đó, yêu cầu của nguyên đơn Ngân hàng TMCP C buộc bị đơn ông Vương Quốc A phải thanh toán tổng số tiền là: 70.096.544 (Bảy mươi triệu không trăm chín mươi sáu nghìn năm trăm bốn mươi bốn) đồng, trong đó: Số tiền gốc là: 46.266.657 (Bốn mươi sáu triệu hai trăm sáu mươi sáu ngàn sáu trăm năm mươi bảy) đồng; Số tiền lãi trong hạn là: 10.750.000 (Mười triệu bảy trăm năm mươi ngàn) đồng; Số tiền lãi quá hạn là: 10.679.887 (Mười triệu sáu trăm bảy mươi chín nghìn tám trăm tám mươi bảy) đồng; Số tiền phạt chậm trả là: 2.400.000 (Hai triệu bốn trăm ngàn) đồng là có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3.2] Về thời hạn trả nợ:

Nguyên đơn Ngân hàng TMCP C yêu cầu bị đơn ông Vương Quốc A phải trả toàn bộ số tiền nêu trên ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Xét, bị đơn ông Vương Quốc A đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán trong thời gian dài, ảnh hưởng đến quyền lợi hợp pháp của nguyên đơn, nên với yêu cầu này của nguyên đơn là có cơ sở chấp nhận.

[3.3] Về tiền lãi sau ngày xét xử sơ thẩm:

Nguyên đơn Ngân hàng TMCP C yêu cầu bị đơn ông Vương Quốc A phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi của số tiền nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất các bên thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng trả góp số: SGN.CN.749.220915 (Số tài khoản vay: 204110449) ngày 23/09/2015 cho đến khi thi hành án xong.

Căn cứ Điều 6.4 của hợp đồng tín dụng trả góp số: SGN.CN.749.220915 (Số tài khoản vay: 204110449) ngày 23/09/2015: “Trong trường hợp ngân hàng TMCP C thu hồi nợ trước hạn các khoản nợ vay chưa thanh toán của bên được cấp tín dụng, sau 30 ngày kể từ ngày ngân hàng TMCP C có thông báo thu hồi nợ trước hạn mà bên được cấp tín dụng không thanh toán đủ nợ vay, toàn bộ dư nợ gốc bị chuyển sang nợ quá hạn và chịu mức lãi suất bằng 150% lãi suất vay trong hạn.”

Do đó, yêu cầu này của nguyên đơn là phù hợp với các quy định của pháp luật, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3.4] Theo đơn khởi kiện ngày 18 tháng 02 năm 2020, nguyên đơn Ngân hàng TMCP C yêu cầu bà Nguyễn Thị Cẩm G liên đới cùng với ông Vương Quốc A thanh toán khoản nợ tại hợp đồng tín dụng trả góp số: SGN.CN.749.220915 (Số tài khoản vay: 204110449) ngày 23/09/2015.

Ngày 13/8/2020 nguyên đơn Ngân hàng TMCP C có đơn rút yêu cầu đối với bà Nguyễn Thị Cẩm G cùng liên đới trả nợ với ông Vương Quốc A tại hợp đồng tín dụng trả góp số: SGN.CN.749.220915 (Số tài khoản vay: 204110449) ngày 23/09/2015.

Xét, việc rút yêu cầu của nguyên đơn là đúng quy định pháp luật do đó Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu này của nguyên đơn.

[3.5] Về án phí:

Bị đơn ông Vương Quốc A phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Nguyên đơn Ngân hàng TMCP C không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Khoản 3 Điều 26; Điểm a Khoản 1 Điều 35; Điểm a Khoản 1 Điều 39; Điều 91; Điều 92; Điều 147; Điều 227; Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng các Điều 463, Điều 466; Điều 688 của Bộ luật dân sự năm 2015;

Áp dụng các Điều 91, khoản 2 Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010;

Áp dụng Luật Phí, lệ phí năm 2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Áp dụng Luật Thi hành án dân sự năm 2008 được sửa đổi, bổ sung năm 2014,

Xử:

[1] Về hình thức: Xử vắng mặt bị đơn ông Vương Quốc A.

[2] Về nội dung:

[2.1] Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP C.

Buộc ông Vương Quốc A phải có trách nhiệm trả cho Ngân hàng TMCP C số tiền tổng cộng tính đến ngày 24/09/2020 là: 70.096.544 (Bảy mươi triệu không trăm chín mươi sáu nghìn năm trăm bốn mươi bốn) đồng, trong đó: Số tiền gốc là: 46.266.657 (Bốn mươi sáu triệu hai trăm sáu mươi sáu ngàn sáu trăm năm mươi bảy) đồng; Số tiền lãi trong hạn là: 10.750.000 (Mười triệu bảy trăm năm mươi ngàn) đồng; Số tiền lãi quá hạn là: 10.679.887 (Mười triệu sáu trăm bảy mươi chín nghìn tám trăm tám mươi bảy) đồng; Số tiền phạt chậm trả là: 2.400.000 (Hai triệu bốn trăm ngàn) đồng.

Trả ngay một lần khi bản án có hiệu lực pháp luật.

[2.2] Kể từ ngày 25/09/2020 ông Vương Quốc A còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng trả góp số: SGN.CN.749.220915 (Số tài khoản vay: 204110449) ngày 23/09/2015 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng TMCP C cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng TMCP C cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng TMCP C cho vay.

Thi hành tại cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

[2.3] Đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu của nguyên đơn Ngân hàng TMCP C về việc yêu cầu bà Nguyễn Thị Cẩm G cùng liên đới trả nợ với ông Vương Quốc A tại hợp đồng tín dụng trả góp số: SGN.CN.749.220915 (Số tài khoản vay: 204110449) ngày 23/09/2015.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bị đơn Vương Quốc A phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm là 3.504.827 (Ba triệu năm trăm lẻ bốn nghìn tám trăm hai mươi bảy) đồng.

Hoàn trả lại số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm cho Ngân hàng TMCP C là 1.644.000 (Một triệu sáu trăm bốn mươi bốn ngàn) đồng, theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: AA/2018/0032390 ngày 07/05/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh.

[4] Về quyền kháng cáo, kháng nghị:

Nguyên đơn Ngân hàng TMCP C được quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị đơn ông Vương Quốc A được quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh trong hạn 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt theo quy định của pháp luật.

Viện kiểm sát được quyền kháng nghị theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 1, 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký và đóng dấu)**

Nơi nhận:

- TAND TP.HCM;
- VKS ND Q.7;
- Chi cục THADS Q.7;
- Đường sự;
- Lưu, hồ sơ (Tk. Xuân Duyên).

Đào Lê Anh